

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/LĐ-ST

Ngày 25-01-2018.

V/v tranh chấp lao động về đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 40/2017/TLST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Danh D, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Xóm 1, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Phòng trọ số 26, nhà trọ Anh Lương, khu phố , phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Quốc tế S; Người đại diện theo pháp luật: R, chức vụ: Chủ tịch Công ty TNHH Quốc tế S; địa chỉ: Lô P8-P9, đường D6, Khu Công nghiệp NTU, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1968; chức vụ: Quản lý chung của Công ty TNHH Quốc tế S; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quốc tế S- Lô P8-P9, đường D6, Khu Công nghiệp NTU, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Danh D trình bày: Ông Đặng Danh D vào làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế S kể từ tháng 07/2016, thời gian thử việc là 05 tháng. Ngày 06/12/2016, Công ty TNHH Quốc tế S và ông D ký kết hợp đồng lao động số 01 TY01806 HĐLĐ với thời hạn 01 năm, tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày 06/01/2018. Nội dung hợp đồng lao động số 01 TY01806 HĐLĐ ngày 07/01/2017 với công việc nhân viên kỹ thuật chuyên trong bộ phận may mẫu, thời gian làm việc là 08 giờ/ngày với mức lương theo hợp đồng là 5.160.000 đồng, tuy nhiên lương thực nhận của ông D bình quân hàng tháng là 8.500.000 đồng/tháng. Ông D làm việc và chấp hành đúng nội quy của Công ty nhưng đến ngày 06/11/2017, nhân sự gọi ông D lên công ty và yêu cầu ông D ký vào đơn xin nghỉ việc nhưng ông D không ký. Ngày 07/11/2017, ông D đến Công ty làm việc nhưng bảo vệ không cho vào. Ông D chính thức nghỉ việc tại công ty từ ngày 07/11/2017. Đối với thông báo về việc chấm dứt hợp đồng số TB1 10/2017 ngày 04/10/2017 và quyết định thôi việc ngày 04/11/2017 do bị đơn xuất trình, ông D xác định không được thông báo hay nhận quyết định trên, sau khi ông D khởi kiện thì bị đơn mới ban hành thông báo và quyết định và tại Tòa án bị đơn xuất trình ông mới biết được thông báo và quyết định trên vì thực tế ông vẫn làm việc tại công ty đến ngày 07/11/2017 công ty không cho ông vào làm việc. Do vậy, việc Công ty TNHH Quốc tế Samil Vina chấm dứt hợp đồng lao động với ông D là trái quy định pháp luật. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Quốc tế S bồi thường cho ông D các khoản như sau:

- Tiền lương của những ngày không được làm việc tính từ 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018 là 02 tháng: $5.610.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng} = 11.220.000 \text{ đồng}$.

- Tiền bồi thường do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không báo trước: $(5.610.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 6.473.000 \text{ đồng}$.

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 11.220.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông D yêu cầu công ty TNHH Quốc tế S phải bồi thường cho ông D số tiền là 28.913.000 đồng.

Đối với tiền bảo hiểm xã hội của 02 tháng không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018 là: $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 18\%/tháng = 2.019.600 \text{ đồng}$ và tiền bảo hiểm y tế của những ngày không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018 là: $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 3\%/tháng = 336.600 \text{ đồng}$, tại phiên tòa ông D rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

Chứng cứ ông D cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Hợp đồng lao động số 01 TY01806 HĐLĐ ngày thời hạn 01 năm, hợp đồng ký ngày 07/01/2017.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông T thông nhất với nguyên đơn về việc giữa Công ty TNHH Quốc tế S và ông Đặng Danh D có ký kết hợp đồng 01 TY01806 HĐLĐ ngày 07/01/2017, về thời hạn hợp đồng, nội dung công việc, thời gian lao động và mức tiền lương trong hợp đồng lao động mà Công ty TNHH Quốc tế Samil Vina ký kết với hợp đồng lao động. Trong quá trình nguyên đơn làm việc tại công ty TNHH Quốc tế Samil Vina, công ty đã 02 lần điều động nguyên đơn sang bộ phận ủi để làm việc nhưng ông D xé thông báo và không chấp hành quyết định điều động của công ty mà ông D vẫn làm việc tại bộ phận may trong phòng mẫu. Bị đơn nhận thấy ông D không đủ trình độ và khả năng chuyên môn để tiếp tục làm việc nên bị đơn đã 02 lần ban hành thông báo cho ông D biết sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông D, cụ thể thông báo chấm dứt hợp đồng lần 1 là vào ngày 05/6/2017 nhưng ông D không đồng ý và vẫn tiếp tục làm việc, đến ngày 04/10/2017 nguyên đơn ban hành thông báo số TB1 10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông D nhưng ông D không đồng ý ký nhận thông báo. Đến ngày 04/11/2017, bị đơn ban hành quyết định thôi việc số TY01806/TV ngày 04/11/2017 và giao cho ông D nhưng ông D vẫn không nhận. Lý do ông D vẫn làm việc vào ngày 05 và 06/11/2017 trong khi đã có quyết định thôi việc là do bộ phận nhân sự không chú ý kiểm tra. Bị đơn đã thanh toán tiền lương cho ông D đến hết ngày 06/11/2017. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì bị đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông D đúng theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ do bị đơn xuất trình là Quyết định cho thôi việc số TY01806/TV ngày 04/11/2017 và Thông báo số TB1 10/2017 ngày 04/10/2017; phiếu lương tháng 11/2017.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Đặng Danh D khởi kiện Công ty TNHH Quốc tế S về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bị đơn có trụ sở chính tại Lô P8-P9, đường D6, Khu Công nghiệp NTU, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 32, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

Ông Đặng Danh D vào làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế S vào ngày 06/12/2016, chức danh chuyên môn là kỹ thuật chuyên, công việc phải làm là quản lý chuyên, thời gian thử việc là 01 tháng từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/01/2017. Ngày 07/01/2017, ông D và Công ty TNHH Quốc tế S ký kết Hợp đồng lao động số 01 TY01806, thời hạn 01 năm, mức lương cơ bản là 5.610.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận quá trình ký kết hợp đồng lao động giữa ông D và Công ty TNHH Quốc tế S, thời hạn hợp đồng, thời gian lao động và mức tiền lương của ông D tại công ty, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa ông Đặng Danh D và Công ty TNHH Quốc tế S là hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng lao động số 01 TY01806 ngày 07/01/2017, phía bị đơn cho rằng ông D không đủ chuyên môn và trình độ để làm việc nên nguyên đơn đã có thông báo số TB1 10/2017 ngày 04/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông D và đến ngày 04/11/2017, Công ty TNHH Quốc tế S ban hành quyết định thôi việc số TY01806/TV đối với ông Đặng Danh D. Tuy nhiên, ngày 05/11/2017 và ngày 06/11/2017, ông D vẫn đến công ty làm việc, ngày 07/11/2017, ông D không còn làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế S. Do vậy, quan hệ lao động giữa ông Đặng Danh D và Công ty TNHH Quốc tế S chấm dứt kể từ ngày 07/11/2017.

Xét thấy, ngày 04/11/2017, công ty TNHH Quốc tế S ban hành quyết định thôi việc số TY01806/TV đối với ông Đặng Danh D vì ông Đặng Danh D không đủ chuyên môn và trình độ để đảm nhận công việc. Nguyên đơn xác định trước khi ban hành quyết định thôi việc thì nguyên đơn đã 02 lần thông báo chấm dứt hợp đồng đối với bị đơn, cụ thể thông báo lần thứ nhất vào ngày 05/6/2017 và lần thứ hai vào ngày 04/10/2017. Xét, theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động, đối với loại hợp đồng lao động xác định thời hạn thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải báo trước với người lao động ít nhất 30 ngày. Trường hợp của ông Đặng Danh D, công ty TNHH Quốc tế S có cung cấp cho Tòa án Thông báo số TB1 10/2017 ngày 04/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đặng Danh D. Ông D xác định ông không nhận được thông báo số TB1 10/2017 ngày 04/10/2017 của công ty và vẫn làm việc đến ngày 06/11/2017 và đến khi khởi kiện mới biết về thông báo và quyết định mà công ty cung cấp. Về phía bị đơn, Tòa án đã có thông báo yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn không cung cấp được cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh công ty đã thông báo trước cho ông D về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông D. Đồng thời theo quyết định thôi việc số TY01806/TV thì ngày kết thúc hợp đồng lao động đối với ông D là ngày 04/11/2017 nhưng ông D vẫn làm việc vào ngày 05 và 06/11/2017 và nguyên

đơn bị đơn đều xác định ngày kết thúc hợp đồng là ngày 07/11/2017. Như vậy, Công ty TNHH Quốc tế S chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đặng Danh D là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động nên công ty TNHH Quốc tế S phải chịu hậu quả pháp lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là bồi thường các khoản cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động.

Xét về tiền lương làm căn cứ tính bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất mức lương cơ bản tại thời điểm nguyên đơn nghỉ việc là 5.610.000 đồng, đồng thời theo kết quả xác minh tại bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên thì mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2013 đến tháng 10/2017 của nguyên đơn cũng là 5.610.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mức tiền lương làm căn cứ tính bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông D là 5.610.000 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động thì công ty TNHH Quốc tế S phải thanh toán cho D những khoản gồm:

- Tiền lương những ngày ông D không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến thời điểm Hợp đồng lao động số 05/12T/HĐLĐ hết thời hạn là ngày 06/01/2018 là $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 11.220.0000 \text{ đồng}$

- 02 tháng tiền lương do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 11.220.0000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán 30 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là phù hợp, bởi lẽ hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Quốc tế S và ông D là hợp đồng có thời hạn nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật lao động thì Công ty TNHH Quốc tế Samil Vina phải thông báo trước ít nhất 30 ngày, nhưng Công ty TNHH Quốc tế S vi phạm điều khoản trên. Do đó căn cứ vào Khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn ($5.610.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 6.473.000 \text{ đồng}$).

Tổng cộng Công ty TNHH Quốc tế S phải thanh toán cho ông Đặng Danh Duệ số tiền là 28.913.000 đồng.

Đối với yêu cầu buộc công ty thanh toán tiền bảo hiểm xã hội của 02 tháng không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018 là: $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 18\%/\text{tháng} = 2.019.600 \text{ đồng}$ và tiền bảo hiểm y tế của những ngày không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018 là: $5.610.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 3\%/\text{tháng} = 336.600 \text{ đồng}$, tại phiên toà, ông Duệ rút phần yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 243, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 243, Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 22, 38, 42 Bộ luật Lao động;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Danh D về việc tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH Quốc tế S.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Quốc tế S phải bồi thường cho ông Đặng Danh D tổng số tiền là 28.913.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương những ngày ông D không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến thời điểm Hợp đồng lao động số 05/12T/HĐLĐ hết thời hạn là ngày 06/01/2018 là 5.610.000 đồng x 02 tháng = 11.220.000 đồng
- 02 tháng tiền lương do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 5.610.000 đồng x 02 tháng = 11.220.000 đồng.
- 30 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là 6.473.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Quốc tế S phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của hai tháng không được làm việc tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày 06/01/2018.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH Quốc tế S phải chịu 867.390 (tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi) đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01)
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết